TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 201/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2022
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Trung và bà Trần Thị Lệ Thủy.
- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/HPT-QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Thu T**, sinh năm 1989
Địa chỉ: thôn V, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.
- *Bị đơn:* Ông **Phan Thanh Bình**, sinh năm 1985
Địa chỉ: thôn V, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 3 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Trương Thị Thu T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T và ông Phan Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Bà T và ông B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi bà T góp ý thì ông B không nghe dẫn đến lời qua tiếng lại làm cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm lạnh nhạt nên bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (tại thôn V, xã L, huyện Đ) để sinh sống và vợ chồng ly thân không còn chung sống nhau.

Bà T xác định đến nay mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Vì vậy, bà T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh B.

2. Về con chung: Bà T khai vợ chồng có hai con chung là Phan Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 và Phan Quỳnh Y, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2019 (hiện đang ở với bà T tại thôn V, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông B đóng góp nuôi con mỗi cháu một tháng số tiền là 1.500.000 đồng (02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại hồ sơ vụ án thể hiện*: Ông Phan Thanh B có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng hiện nay ông B không có mặt tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện Đ đã nhiều lần làm việc và tống đạt giấy triệu tập của ông Phan Thanh B cho cha ruột ông B là ông Phan Thanh N để giao cho ông B. Qua xác minh, ông Phan Thanh N xác định là đã liên lạc với ông B về việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông B có nói là không hợp tác theo giấy triệu tập của Tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt . Do vậy, Tòa án đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng đối với ông B theo quy định pháp luật gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc công khai chứng cứ; Thông báo về các phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Thu T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Phan Thanh B, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông B vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông B đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông B.

- Về quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Phan Minh N và Phan Quỳnh Y cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Buộc ông B đóng góp nuôi hai con mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Phan Thanh B đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa và Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Thanh B vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu T và ông Phan Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì phát sinh mâu thuẫn, bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ chồng. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, gia đình ông B cũng xác định mâu thuẫn xảy

ra bà T đã đưa con về nhà cha mẹ ruột (tại thôn V, xã L, huyện Đ) để sinh sống. Thực tế giữa bà T và ông B ly thân không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 năm nay, không còn quan tâm vợ chồng nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà T đưa hai con Phan Minh N và Phan Quỳnh Y về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà T có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy, hiện tại bà T làm công nhân và thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, các cháu N và Y còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, cháu N cũng có nguyện vọng ở với bà T. Trong thời gian trước đây và hiện nay các cháu N và Y do bà T nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, ông B làm nghề lái xe thường xuyên đi xa, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ông B bỏ mặt không quan tâm gì đến con cái. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà T yêu cầu ông B đóng góp cấp dưỡng nuôi hai con chung Phan Minh N và Phan Quỳnh Y mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng. Xét thấy, việc nuôi dạy con chung là nghĩa vụ của cha mẹ, ông B làm nghề lái xe đầu kéo thu nhập hằng tháng ổn định nên chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T, buộc ông B có nghĩa vụ đóng góp nuôi hai con Phan Minh N và Phan Quỳnh Y mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu N và Y đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu T.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Phan Thanh B.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phan Minh N, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 và Phan Quỳnh Y, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2019 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu N và Y đủ 18 tuổi (hiện các cháu N và Y đang ở với bà T tại thôn V, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam).

Ông Phan Thanh B có nghĩa vụ đóng góp nuôi hai con Phan Minh N và Phan Quỳnh Y mỗi cháu một tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm ngàn đồng y)* cho đến khi các cháu N và Y đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Trương Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Phan Thanh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên thì hằng tháng ông B còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm".

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: (Không yêu cầu giải quyết).

4. Về án phí: Bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu 0003757 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ.

Ông Phan Thanh B phải chịu 3000.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Thu T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Thanh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái